

Bản án số: 566/2024/HS-PT

Ngày: 17/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 347/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1, Hà Thanh T, Hù Tuyết Đ, Nguyễn Văn H2, Hù Viết T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh H; sinh ngày 12/05/1989 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT: Khu D, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nơi ở hiện tại: số nhà E, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mạnh H3 (đã chết) và bà Mai Thị L; Có 02 vợ: Vợ thứ nhất: Phùng Thị Ngọc H4 (đã ly hôn); Vợ thứ hai: Hù Tuyết Định và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2023, tạm giam từ ngày 03/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh H: Ông Lê Trường S, luật sư

Công ty L3 Thủy V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; có mặt.

2. Họ và tên: Hà Thị Thu H1; sinh ngày 03/08/1992 tại thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn C và bà Nguyễn Thị C1, có chồng: Đặng Thanh C2 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án: Bị cáo bị TAND thành phố Huế xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, hiện bị cáo đang tạm hoãn thi hành án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023, tạm giam từ ngày 02/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị Thu H1: Ông Nguyễn Văn C3, luật sư Công ty L3 Thủy V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; có mặt.

3. Họ và tên: Hà Thanh T; sinh ngày 05/05/1991 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT: Khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Đầu bếp; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn C4 và bà Hà Thị T2; Có vợ: Bùi Thị T3 và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/9/2015 bị TAND huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xử phạt 06 tháng tù hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023, tạm giam từ ngày 02/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Thanh T: Ông Lê Thanh H5, luật sư Văn phòng L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; có mặt.

4. Họ và tên: Hù Tuyết Định; sinh ngày 26/05/1993 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT thường trú: Thôn V, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Giáy; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hù Văn H6 và bà Lưu Trường N; Có chồng: Nguyễn Mạnh H và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/11/2023 đến nay tại Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hù Tuyết Đ: Ông Lê Trường S, luật sư Công ty L3 Thủy V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn H2; sinh ngày 12/03/1994 tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKH thường trú: Thôn X, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Nơi ở hiện tại: Số nhà D đường C, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị D; có vợ Nguyễn Thị G và có 01 con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 22/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

6. Họ và tên: Hồ Viết T1; sinh ngày 22/12/1991, tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKH thường trú: Thôn V, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Giáy; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn H6 và bà Lưu Trường N; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/11/2023 đến nay tại Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ngân hàng TMCP Đ3 (B); Địa chỉ: T T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh T5, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ3; vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Ngọc T6, chức vụ: Phó giám đốc Phòng G1 - Ngân hàng TMCP Đ3 - Chi nhánh L5 và ông Lê Đại T7, chức vụ: Phó trưởng phòng quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Đ3 - Chi nhánh L5; đều có mặt.

- Bà Nguyễn Thị G; địa chỉ: Số nhà D, đường C, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Hà Văn H7, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, bị cáo Lê Văn T8 đã rút kháng cáo, nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 24/6/2023, Công an tỉnh L phát hiện bắt quả tang tại nhà nghỉ K2, 03 đôi nam nữ đang mua bán dâm, cụ thể:

Tại Phòng 101 khu C: Bắt quả tang Hoàng Văn H8 và chị Đinh Thị Ngọc M đang chuẩn bị thực hiện hành vi mua bán dâm.

Tại Phòng 103 khu C: Bắt quả tang Đặng Văn C5 và chị Vàng Thị É đang thực hiện hành vi mua bán dâm.

Tại P khu B: Bắt quả tang Phạm Doãn V1 và Lò Thị I đang thực hiện hành vi mua bán dâm.

Quá trình điều tra, chị Đinh Ngọc M, chị Lò Thị I và chị Vàng Thị É đều khai nhận, việc bán dâm đều dưới sự quản lý, dẫn dắt của Nguyễn Mạnh H và Lê Văn T8. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của H tại số nhà E đường Đ và số nhà C đường Đ, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ nhiều sổ sách ghi chép theo dõi hoạt động mại dâm và bao cao su chưa qua sử dụng. Phát hiện tại số nhà C đường Đ có 08 nữ giới đang cư trú gồm: Lò Thị M1, Lò Thị L1, Lò Thị L2, Giàng Thị D1, Hoàng Thị H9, Hà Thị Thanh T9, Nguyễn Thị Yên N1, Lê Nguyễn Thanh T10 đang chờ đi bán dâm.

Quá trình điều tra xác định:

Đối với hành vi mua bán người dưới 16 tuổi:

Cuối năm 2022, H cùng vợ là Đ thuê nhà số C, đường Q, tổ E, phường D, thành phố L để ở và tuyển một số nhân viên phục vụ quán hát Karaoke trên địa bàn thành phố L, tháng 11/2022 vợ chồng H tuyển mộ thêm nhân viên để họ bán dâm cho khách. Để tuyển mộ gái bán dâm, thông qua mối quan hệ quen biết với T, H làm quen với H1 và cùng nhau tuyển mộ nhân viên. Từ ngày 15/3/2023 đến ngày 28/3/2023 H, H1 và T (Tứ đang chung sống như vợ chồng với H1) cùng nhau tuyển mộ, chuyển giao, tiếp nhận 07 người dưới 16 tuổi để làm nhân viên phục vụ quán hát Karaoke và làm gái bán dâm. Cụ thể cuối tháng 10/2022, T gọi điện cho Đ1 và H bảo đi xuống Hà Nội chơi, khi gặp T tại nhà (T thuê ở số B, quận C), T giới thiệu H1 đang quản lý một số nhân viên làm quán hát Karaoke tại Hà Nội làm quen với H và Đ1. Sau khi làm quen H và Đ1 đặt vấn đề với H1 tìm nhân viên phục vụ quán hát K và làm gái bán dâm đưa lên Lào Cai, nếu làm nhân viên quán hát thì Đ1 trả cho 03 triệu đồng/người, nếu làm gái bán dâm thì H trả cho 05 triệu đồng/người, H1 đồng ý.

Ngày 15/03/2023, H1 gọi điện cho Đ1 nói có hai nhân viên là Trần Bảo Nhật P và Lê Nguyễn Thanh T10 hiện đang làm cho H1 muốn đưa lên Lào Cai giao cho Đ1 hoặc H để làm nhân viên quán hát hoặc làm gái bán dâm. Đại đồng ý và thông báo nội dung trên cho H. H gọi điện cho H1 nói sẽ liên hệ xe đến đón H1, T, P và T10 đi lên Lào Cai. Ngày 16/3/2023 H1 và T đi xe Taxi do H liên hệ đưa P và T10 từ Hà Nội lên Lào Cai đến số nhà E đường Đ, tổ A, phường C,

thành phố L thì gặp H và Đ1. Tại đây H, Đ1 và H1 trao đổi với nhau, nếu giao nhân viên cho Đại để làm quán hát thì trả 03 triệu đồng/người, nếu giao nhân viên cho H làm gái bán dâm thì sẽ trả 05 triệu đồng/người, H1 đồng ý. H nói với P và T10 nếu làm gái bán dâm thì lương cao hơn, được ứng tiền mua điện thoại và quần áo, P và T10 đồng ý đi làm gái bán dâm cho H. Cùng ngày có Đinh Thị Ngọc M là nhân viên quán hát cho H1 muốn lên Lào Cai làm, M nói với H, H đồng ý, H1 đã giao P, T10 và M cho H làm gái bán dâm. Sau khi tiếp nhận 03 nhân viên nói trên, H thống nhất với H1 và T là trả nợ hộ cho 03 nhân viên còn nợ tiền H1 là 16 triệu trong đó P nợ 7 triệu, T10 nợ 5 triệu, M nợ 4 triệu và tiền công chuyển giao 03 nhân viên là 4 triệu đồng, tổng số 20 triệu, sau đó H sẽ trừ số tiền trên vào tiền công của 03 nhân viên trên, H1 và T đồng ý. Ngày 17/3/2023, H chuyển 13 triệu cho H1 qua tài khoản (*việc chuyển tiền trên T cũng biết*), H còn nợ 7 triệu đồng.

Trong tháng 3/2023, thông qua Lê Nguyễn Thanh T10, H1 biết Lê Ngọc Như Ý, Nguyễn Thị Tú K1 và Nguyễn Thị Yến N1 muốn đi làm nhân viên quán hát cho H1. H1 bảo T10 cho số điện thoại của 03 nhân viên trên, sau khi nói chuyện, cả 3 đồng ý đi làm nhân viên quán hát cho H1. Ngày 21/3/2023 H1 rủ T vào Huế để đón con gái H1 và 03 nhân viên trên ra Hà Nội rồi chuyển giao cho H, T đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày H1 và T đi xe khách vào Huế để đón 03 nhân viên ra Hà Nội, giao cho H. H1 gọi điện thông báo cho H, H đồng ý, trong các ngày 21, 22/03/2023 H đã 3 lần chuyển tiền vào tài khoản cho H1 làm chi phí đi đón 03 nhân viên (lần 1: ngày 21/03 chuyển 05 triệu đồng; lần 2: Sáng ngày 22/03 chuyển 03 triệu đồng; lần 3: Chiều ngày 22/03 chuyển 05 triệu đồng. Sáng ngày 23/03/2023, khi về đến Hà Nội, H1 và T đưa 03 nhân viên về phòng trọ của H1, tại tổ B, khu Công Nghiệp Q, M, Hà Nội.

Cùng ngày H và Đ1 đi xe ô tô biển kiểm soát 19C-191.48 đến gặp H1, H1 nói với H và Đ1 có Trần Bảo Phương N2 là nhân viên còn nợ H1 2.800.000 đồng đang muốn lên Lào Cai làm nhân viên, H1 thanh toán số tiền N2 còn nợ cho H1. H nói với N2 lên làm nhân viên bán dâm cho H, H sẽ trả số tiền nợ trên cho H1, N2 đồng ý. Sau đó H1 giao 04 nhân viên trên cho H và Đ1 lên thành phố L làm gái bán dâm. Ngày 24/3/2023, H1 gọi điện cho H nói tiền chi phí đi đón Như Ý, Tú K1, Yến N1 để chuyển giao cho H1 hết 7.000.000 đồng, cùng ngày H đã chuyển khoản cho H1 số tiền này.

Cuối tháng 3/2023, P gọi điện cho H1 nói có bạn là Bùi Thị Kim Q muốn đi làm nhân viên quán hát cho H1, H1 đồng ý và liên lạc hướng dẫn Q đi xe khách đi đến bến xe M, Hà Nội, H1 sẽ đến đón và trả tiền xe, Q đồng ý. Sau khi

đón được Q và trả tiền xe hết 1.300.000 đồng H1 đưa Q về phòng trọ của H1 nghỉ rồi gọi điện cho H nói hiện có một nhân viên muốn chuyển giao cho H làm gái bán dâm. H đồng ý và bảo H1 mua vé cho Q lên thành phố L, H sẽ ra đón và trả tiền xe. Ngày 28/03/2023, H1 đưa Q ra bến xe M bắt xe khách cho Q đi lên thành phố L thì H ra đón, H chuyển cho H1 05 triệu đồng tiền công giao Quy cho H.

Đối với hành vi môi giới mại dâm:

Sau khi thuê căn nhà số C đường Q, tổ E, phường D, thành phố L để ở và tuyển một số nhân viên phục vụ quán hát Karaoke trên địa bàn thành phố L. Tháng 11/2022 vợ chồng H tuyển mộ thêm nhân viên để khi có khách hỏi mua dâm thì vợ chồng H đưa gái bán dâm đến các nhà nghỉ trên địa bàn thành phố L để họ bán dâm cho khách. Sau khi tuyển mộ được một số gái bán dâm, H đứng ra thỏa thuận với gái bán dâm, vợ chồng H có trách nhiệm nuôi ăn, ở sinh hoạt và bố trí người đưa đón gái bán dâm đi các nhà nghỉ, khách sạn để họ bán dâm cho khách, số tiền thu được trừ các chi phí tiền phòng, tiền mua bao cao su còn sẽ chia đôi gái bán dâm hưởng 50%, vợ chồng H 50%. Hình thức bán dâm đi nhanh từ 500.000 đến 600.000 đồng/khách, bán dâm theo tiếng từ 700.000 đến 800.000 đồng/khách, bán dâm qua đêm từ 1.200.000 đến 2.800.000 đồng/khách, bán dâm theo ngày từ 05 triệu đến 07 triệu đồng/ngày, trường hợp Hồ chưa thu tiền bán dâm của khách thì gái bán dâm thu, khi về đưa lại cho H.

Đầu tháng 01/2023, T9 đến gặp vợ chồng H xin việc làm, vợ chồng H đồng ý, H giao cho T9 công việc hàng ngày đưa đón gái bán dâm đi các nhà nghỉ, khách sạn để họ bán dâm cho khách. Theo sự chỉ đạo của H, vợ chồng H sẽ có trách nhiệm bố trí nơi ăn, ở và phương tiện đi lại, tiền công 05 triệu/tháng, T9 đồng ý. Hồ giao cho T9 01 xe mô tô biển số 19F1- 411.01 để đưa đón các nhân viên đi bán dâm cho khách. Tháng 03/2023, do lượng gái bán dâm tăng lên, vợ chồng H thuê thêm căn nhà số E đường Đ để ở và giao căn nhà 391 đường Đ cho Thanh quản lý gái bán dâm ăn, ở. Sau đó vợ chồng H thuê thêm Hà Văn H7 làm công việc đưa đón gái bán dâm như T9, tiền lương Hồ không thỏa thuận trả bao nhiêu, mà chỉ nói với H7 làm tốt sẽ trả lương thỏa đáng, H7 đồng ý. Hồ giao cho H7 01 chiếc xe mô tô biển số 19F1- 426.05 để đưa đón các nhân viên đi bán dâm cho khách theo sự chỉ đạo của H. Sau đó H lập nhóm có tên “*Bộ máy kiếm tiền*” trên ứng dụng mạng xã hội Telegram để H, Đ, T9, H7 cùng các gái bán dâm tham gia vào nhóm để quản lý, điều hành việc môi giới mại dâm được dễ dàng. Hồ thống nhất với các thành viên trong nhóm, khi có khách nhắn tin hay điện thoại đến hỏi gái mua dâm thì người nhận thông tin

đứng ra thỏa thuận với khách về thời gian, tên nhà nghỉ, số phòng, số tiền thu của khách mua dâm rồi nhắn tin thông báo lên nhóm. Sau đó T9 điều người chở gái đi đến nhà nghỉ, khách sạn để họ bán dâm nếu H hoặc T9 chưa thu tiền mua dâm của khách thì gái bán dâm thu tiền về đưa lại cho T9 vào sổ theo dõi.

Trong thời gian từ tháng 11/2022 đến ngày 24/6/2023, H đã trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc môi giới mại dâm thông qua nhóm “*Bộ máy kiếm tiền*” trên mạng ứng dụng xã hội đối với 17 gái bán dâm (trong đó có 07 gái bán dâm dưới 16 tuổi đó là Nguyễn Thị Yến N1, Lê Nguyễn Thanh T10, Trần Bảo Nhật P, Trần Bảo Phương N2, Bùi Thị Kim Q, Lê Ngọc Như Ý, Nguyễn Thị Tú K1) và 10 gái bán dâm lớn hơn 16 tuổi đó là Lò Thị I, Vàng Thị É, Lò Thị L2, Lò Thị L1, Giàng Thị D1, Lò Thị M1, Hoàng Thị H9, Hà Thị Thanh T9, Lò Thị N3, Đinh Thị Ngọc M.

Từ đầu tháng 03/2023 đến ngày 23/6/2023, T9 được H giao là người trực tiếp quản lý, điều hành các gái đi bán dâm cho khách và nhiều lần phân công H7 và T1 chở các gái bán dâm đi đến các nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn thành phố L để bán dâm cho khách và thu tiền của khách mua dâm. Đến cuối ngày T9 cộng số tiền thu được trong ngày từ việc bán dâm rồi chốt sổ thanh toán cho H, sau đó T9 chụp nội dung chốt sổ trên gửi Zalo cho Đ vào sổ để Hồ theo dõi, sau khi thanh toán xong, T9 xé bỏ các trang giấy ghi chép trên.

Khoảng 00 giờ ngày 23/6/2023, T9 và H7 đang ở số nhà C, tổ E, phường D, thành phố L thì có Đặng Văn C5 và Hoàng Văn H8 đến gặp T9 đặt vấn đề mua dâm, T9 đồng ý và thỏa thuận giá mua dâm theo tiếng là 600.000 đồng/người, C5 và H8 đồng ý rồi thanh toán cho T9 số tiền mua dâm 1.200.000 đồng, sau đó bảo T9 cho 02 nhân viên đến phòng 101 và 103 khu C, nhà nghỉ K2 để bán dâm. Sau khi nhận tiền xong T9 bảo H7 chở Đinh Thị Ngọc M và Vàng Thị É đến nhà nghỉ K2 để bán dâm, trong khi đang quan hệ tình dục thì bị phát hiện bắt giữ. Ngoài ra trong ngày 23/6/2023, T9 đã điều Nguyễn Thị Yến N1 đến nhà nghỉ U, phường K và khách sạn N5, phường C và nhà nghỉ H13, phường D bán dâm cho khách.

1. Đối với bị cáo Hà Tuyết Đ:

Quá trình điều tra xác định, ngoài việc tham gia nhóm “*Bộ máy kiếm tiền*” trên ứng dụng mạng xã hội T11 cùng với H và T9, H7 tiếp nhận thông tin, tin nhắn của khách mua dâm gửi đến; Đ nhiều lần điều hành phân công các gái bán dâm đi đến nhà nghỉ, khách sạn trên thành phố L để bán dâm cho khách. Khoảng 22 giờ ngày 08/6/2023, Đ nhắn tin lên nhóm “*Bộ máy kiếm tiền*” điều Giàng Thị D1 đi bán dâm cho khách tại phòng 307 nhà nghỉ D2, phường K,

thành phố L với giá 700.000 đồng, sau khi bán dâm xong Đông thu tiền rồi chuyển lại cho T9; Khoảng 14 giờ 30 ngày 23/6/2023, Đ nhắn tin lên nhóm “*Bộ máy kiếm tiền*” điều Nguyễn Thị Yến N1 đến phòng 301 nhà nghỉ U, phường K bán dâm cho khách với giá 700.000 đồng, sau khi gặp khách mua dâm Yến Nhi nhắn tin lên nhóm nói khách đổi người. Hồ, Đ đã nhắn tin lên nhóm điều Giàng Thị D1 đến phòng 301 nhà nghỉ U bán dâm thay cho Nguyễn Thị Yến N1. Sau khi bán dâm xong D1 thu tiền của khách rồi chuyển lại cho T9. Ngoài ra Đ còn được H giao ghi chép lại số tiền do T9 thu của khách mua dâm hàng ngày rồi giao cho H theo dõi, quản lý. Ngoài ra Đ còn được H nhiều lần đưa từ 02 triệu đến 05 triệu đồng để chi tiêu cá nhân và sinh hoạt cho gia đình.

2. Đối với bị cáo Hồ Viết T1:

Quá trình điều tra xác định, đầu tháng 03/2023, do không có việc làm nên T1 (anh trai Đ) thường xuyên ra số nhà C, đường Q chơi, tại đây T1 biết vợ chồng H cùng với T9 và H7 đang quản lý, điều hành việc “*Môi giới mại dâm*”. Đầu tháng 4/2023, Đ bảo T1 ra chỗ T9 xem có việc gì thì giúp T9 và không thỏa thuận về việc trả tiền lương cho T1. Sau khi đến làm chỗ T9, T1 mang theo xe mô tô biển kiểm soát 24B2 - 802.83 và được vợ chồng H và T9 cho tham gia vào nhóm “*Bộ máy kiếm tiền*” trên ứng dụng *Telegram*; được nuôi, ăn ở sinh hoạt cùng T9, H7 và các gái bán dâm. Trong quá trình làm, T9 thường xuyên bảo T1 đưa đón gái đi đến các nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn thành phố L để bán dâm cho khách, quá trình điều tra đã xác định cụ thể các lần T1 chở gái đi bán dâm như sau:

Lần 1: Khoảng 17 giờ ngày 22/6/2023, T1 đang ở số nhà C thì Trần Bảo Phương N2 bảo T1 chở đến nhà nghỉ T15, phường D. Sau khi T1 chở N2 đi đến nhà nghỉ T15, N2 đi vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục với khách mua dâm là Nguyễn Văn V2, T1 đợi khoảng 01 giờ thì N2 đi xuống rồi chở N2 về số nhà C. Quá trình điều tra V2 không thừa nhận có quan hệ tình dục với N2 lý do N2 xấu, nhưng V2 vẫn chuyển 600.000 đồng tiền mua dâm qua tài khoản cho T9.

Lần 2: Khoảng 00 giờ ngày 23/6/2023, T9 bảo T1 chở Hoàng Thị H9 đến khách sạn M2, phường C để bán dâm cho khách. T1 chở H9 đến khách sạn M2, sau đó T1 đi về, khoảng gần 01 giờ sau Trình quay lại đón H9 đưa về số nhà C.

Lần 3: Khoảng 14 giờ ngày 23/6/2023, T9 bảo T1 chở Hoàng Thị H9 đến nhà nghỉ H14, phường D, thành phố L để bán dâm cho khách. T1 chở H9 đến nhà nghỉ H14, sau đó T1 đứng đợi khoảng 01 giờ thì H9 đi xuống và đưa H9 về số nhà C.

Lần 4: Khoảng 15 giờ ngày 23/6/2023, T9 bảo T1 chở Giàng Thị D1 đến nhà nghỉ U, phường K, thành phố L để bán dâm cho khách, T1 chở D1 đến nhà nghỉ U, sau đó T1 đi về. Khoảng 30 phút sau T1 bảo H7 đi xe mô tô đến nhà nghỉ U đón D1 về số nhà C.

Ngoài các lần đưa, đón các gái đi bán dâm trên, trong ngày 23/6/2023, T1 còn được T9 bảo đi đến nhà nghỉ P2, phường P, thành phố L đón Lò Thị I đưa về số nhà C, cùng ngày Lò Thị I nhờ T1 chở đến nhà nghỉ T16, phường D, thành phố L để bán dâm cho khách, khoảng 30 phút sau T1 quay lại đón I đưa về số nhà C. Trong quá trình làm việc T1 được Đ và T9 thỉnh thoảng cho tiền chi tiêu cá nhân và mua xăng xe phục vụ cho việc đi lại với số tiền là 300.000 đồng.

3. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H2:

Là người lái taxi có quen biết với T9 và biết T9 hiện đang quản lý, điều hành gái bán dâm tại số nhà C đường Đ, nên cuối tháng 03/2023, H2 có gặp T9 thoả thuận H2 giới thiệu khách mua dâm thì sẽ thông báo cho T9, mỗi lần giới thiệu được khách mua dâm thì T9 phải trả cho H2 100.000 đồng/01 khách đi nhanh, nếu khách đi qua đêm là 200.000 đồng/01 khách, T9 đồng ý và cho Hiệu số điện thoại để liên lạc. Sau khi thống nhất xong, H2 lập một trang trên ứng dụng Facebook có nick (*Gái gọi Lào Cai*) để khách có nhu cầu mua dâm thì liên lạc với H2, quá trình điều tra đã xác định cụ thể các lần H2 thực hiện hành vi môi giới mại dâm như sau:

Lần 1: Khoảng 18h30 ngày 23/6/2023, H2 đang chạy taxi thì thấy một người đàn ông người Trung Quốc tên A P1 nhắn tin vào nick (*Gái gọi Lào Cai*) hỏi có gái bán dâm bố trí cho 01 người đến tầng 6 phòng 636 khách sạn N, phường C. Hiệu trả lời có và thoả thuận với A P1 giá bán dâm đi nhanh là 600.000 đồng, A P1 đồng ý. Hiệu nhắn tin cho T9 bảo cho một gái đến phòng 636 khách sạn N5 để bán dâm cho khách, T9 nhắn tin trả lời “Ok” và bảo Nguyễn Thị Yến N1 đi bán dâm cho khách. Sau đó H2 lái xe taxi biển kiểm soát 24A - 189.39 đến số nhà C đón N1 đưa đến khách sạn N5, trên đường Đ nhắn tin bảo H2 cho số tài khoản để trả tiền bán dâm, H2 gửi số tài khoản cho A P1 và A P1 chuyển 600.000 đồng vào tài khoản của H2, H2 chở N1 đến khách sạn N5 bán dâm cho khách, sau khi bán dâm xong H2 lái xe taxi đến khách sạn N5 đón và đưa N1 về số nhà C và giao 600.000 đồng của khách mua dâm trả cho T9.

Khoảng 22 giờ cùng ngày 23/6/2023, H2 đang chạy taxi thì có Lê Doãn V3 nhắn tin vào nick (*Gái gọi Lào Cai*) hỏi có gái bán dâm không cho 01 người đến phòng 102 dãy B nhà nghỉ K2, H2 trả lời có và thoả thuận giá bán dâm đi

nhANH là 600.000 đồng, V3 đồng ý. Hiệu điện thoại cho T9 rồi lái xe taxi đến số nhà C gặp T9, tại đây T9 đưa cho H2 100.000 đồng (*tiền công môi giới khách mua dâm tại phòng 636 khách sạn N5 trước đó*). Sau đó T9 bảo Trần Bảo Phương N2 đi bán dâm, H2 lái xe chở N2 đến nhà nghỉ K2 rồi lái xe đi về, trên đường về thấy V3 nhắn tin bảo đổi gái, H2 điện thoại cho T9 nói khách yêu cầu đổi gái, T9 đồng ý và bảo Lò Thị I đến nhà nghỉ K2 bán dâm cho khách. Sau đó I tự bắt xe đến phòng 102 dãy B nhà nghỉ K2. Tại đây I gặp V3 và thoả thuận giá bán dâm qua đêm là 2.800.000 đồng, sau khi thoả thuận xong V3 bảo I cho số tài khoản để chuyển tiền, I lấy số tài khoản của T9 gửi cho V3, sau đó V3 chuyển số tiền trên vào tài khoản của T9, sau khi thanh toán xong V3 và I đang quan hệ tình dục thì bị phát hiện bắt quả tang.

Khoảng 23 giờ 30 cùng ngày 23/6/2023 Hiệu đang chạy taxi thì có người đàn ông không quen biết nhắn tin vào nick (*Gái gọi Lào Cai*) hỏi có gái bán dâm cho 01 người đến phòng 303 nhà nghỉ H13, phường D, H trả lời có và thoả thuận với người đàn ông giá bán dâm đi nhanh là 600.000 đồng. Người đàn ông đồng ý, H2 nhắn tin cho T9 bảo cho một gái đến phòng 303 nhà nghỉ H13 để bán dâm cho khách, T9 đồng ý, H2 lái xe đến số nhà C gặp T9. Tại đây T9 bảo Nguyễn Thị Yến N1 đi bán dâm cho khách, H2 lái xe chở N1 đến nhà nghỉ H13 để bán dâm. Sau khi đến nơi N1 đi vào nhà nghỉ B1, H2 lái xe đi về. Khoảng 40 phút N1 nhắn tin bảo H2 đến đón, H2 lái xe đến nhà nghỉ H13 đón N1 về số nhà C, sau đó H2 bảo T9, thanh toán tiền công đưa gái đi bán dâm tại nhà nghỉ K2 và nhà nghỉ H13 là 200.000 đồng, trong khi đang chờ thanh toán thì bị bắt giữ.

Kết luận giám định số 42/GĐTL-PC09 ngày 28/9/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh L đối với quyền sở hữu của Hù Tuyết Đ, kết luận: Chữ viết, chữ số viết tại các trang có số thứ tự từ 2 đến 11, 13 và 14 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 với chữ viết, chữ số của Hù Tuyết Định trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người viết ra.

Chữ viết, chữ số viết tại trang có thứ tự 12 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu M1 đến M3 không do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ viết, chữ số viết tại các trang có số thứ tự 01, 15, 17, 18, 19 và 20 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 có phải do cùng một người viết ra không.

Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 16 ngày 19/10/2023 và số 17 ngày 24/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận: Đối với Nguyễn Thị Yến N1 có độ tuổi là 16 năm 0 tháng đến 17 năm 0 tháng; Lê Nguyễn Thanh T10 có độ tuổi là 15 năm 0 tháng đến 16 năm 0 tháng (Tại thời điểm giám định).

Cáo trạng số 70/CT-VKST-P2 ngày 30/11/2023 của VKSND tỉnh Lào Cai truy tố Nguyễn Mạnh H về tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” và tội “*Môi giới mại dâm*” quy định tại điểm e khoản 3 Điều 151 và điểm a khoản 3 Điều 328; Hà Thị Thu H1 về tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo điểm e khoản 3 Điều 151; Hà Thanh T về tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo điểm c, e khoản 2 Điều 151; Hù Tuyết Định, Lê Văn T8, Hù Viết T1 và Nguyễn Văn H2 về tội “*Môi giới mại dâm*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 328; Hà Văn H7 về tội “*Môi giới mại dâm*” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” và tội “*Môi giới mại dâm*”; Các bị cáo Hà Thị Thu H1 và Hà Thanh T phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*”; Các bị cáo Hù Tuyết Đ, Nguyễn Văn H2 và Hù Viết T1 phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

1. Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 18 (*Mười tám*) năm 06 (*S1*) tháng tù về tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: Xử phạt Nguyễn Mạnh H 09 (*C6*) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*”.

Áp dụng Điều 55 BLHS buộc bị cáo Nguyễn Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 (*Hai bảy*) năm 06 (*S1*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 27/6/2023.

2. Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Hà Thị Thu H1 18 (*Mười tám*) năm 06 (*S1*) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 55/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Buộc bị cáo Hà Thị Thu H1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (*Mười chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2023.

3. Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 151, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Hà Thanh T 16 (*Mười sáu*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2023.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 328, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo H10 Tuyết

Định 08 (T12) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

5. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 328, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Hù Viết T1 07 (Bảy) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

6. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 328, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 07 (Bảy) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2023 đến ngày 22/8/2023.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Hà Văn H7, Lê Văn T8, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 05/02/2024, bị cáo Nguyễn Mạnh H kháng cáo đề nghị xem xét lại vai trò của bị cáo đối với tội danh Mua bán người dưới 16 tuổi, xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 16/02/2024, bị cáo Hà Thị Thu H1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 05/02/2024, bị cáo Hà Thanh T kháng cáo kêu oan.

- Ngày 05/02/2024, bị cáo Hù Tuyết Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 16/02/2024, bị cáo Nguyễn Văn H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin trả lại cho bị cáo chiếc xe máy.

- Ngày 05/02/2024, bị cáo Hù Viết T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 06/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ3 (B) có đơn kháng cáo về phần xử lý vật chứng.

- Ngày 05 tháng 02 năm 2024, bị cáo Lê Văn T8 có đơn kháng cáo xin trả lại cho bị cáo chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Wave, màu sơn đen, biển kiểm soát 19F1-411.01. Ngày 27 tháng 02 năm 2024, bị cáo Lê Văn T8 đã có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo. Ngày 05 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 38/2024/HSPT-QĐ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Văn T8.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1, Hà Tuyết Đ2, Nguyễn Văn H2, Hà Viết T13 và Hà Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu và quyết định, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh H là ông Lê Trường S: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 151; Điểm a khoản 3 Điều 328; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 55 BLHS: Giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Quá trình giải quyết bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại, đề nghị công nhận thỏa thuận trên.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị Thu H1 là ông Nguyễn Văn C3: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Thanh T là ông Lê Thanh H5: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo H10 Tuyết Định là ông Lê Trường S: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo.

Đại diện Ngân hàng TMCP Đ3 giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong đơn và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, trả lại cho Ngân hàng 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Kia, màu sơn trắng, biển kiểm soát 24A - 198.39, số loại soluto, số khung RNYAB41M5LC187602, số máy G4LC - L1018510.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội, vai trò trong vụ án của các bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Mạnh H 18 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo điểm e khoản 3 Điều 151 Bộ luật hình sự và 09 năm tù về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm a khoản 3 Điều 328 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là 27 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hà Thị Thu H1 18 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo điểm e khoản 3 Điều 151 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù tại Bản án hình sự số 55/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 19 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hà Thanh T 16 năm tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo điểm c, e khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H10 Tuyết Định 08 năm tù về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm a khoản 3 Điều 328

Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn H2 07 năm 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm a khoản 3 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hù Viết T1 07 năm 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm a khoản 3 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Hà Thanh T thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo khác giữ nguyên kháng cáo. Xét thấy các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có lý do hay tình tiết mới gì để xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm. Đối với kháng cáo về phần dân sự của bị cáo Nguyễn Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ3 (B) thấy: tại phiên tòa hôm nay bị cáo H2 có thừa nhận sử dụng chiếc xe để đưa đón 3 nhân viên với tiền công 300.000 đồng, mới nhận được 100.000 đồng, chiếc xe ô tô là công cụ phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử lý đúng quy định pháp luật, việc bị cáo xin lại chiếc xe và Ngân hàng kháng cáo đề nghị trả xe cho Ngân hàng để thu hồi nợ là không có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo HĐXX phúc thẩm thấy như sau:

[2.1] Đối với hành vi mua bán người dưới 16 tuổi:

- Căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Mạnh H tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các biên bản ghi lời khai của bị cáo H các ngày 04/7/2023, 15/8/2023, 29/8/2023, 17/11/2023 (BL 1672 - 1677; 1680 - 1681); phù hợp với các biên bản ghi lời khai của bị cáo H1 các ngày 24/6/2023; 25/6/2023 (BL 1909 - 1926), phù hợp với lời khai của các bị hại và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở khẳng định: Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1 đã có hành vi chuyển giao, mua bán 07 người dưới 16 tuổi bao gồm Trần

Bảo Phương N2, Bùi Thị Kim Q, Lê Nguyễn Thanh T10, Trần Bảo Nhật P, Lê Ngọc Như Ý, Nguyễn Thị Tú K1 và Nguyễn Thị Yến N1.

- Đối với bị cáo Hà Thanh T tại phiên tòa sơ thẩm cho rằng việc vận chuyển người dưới 16 tuổi của các bị cáo H và H1 bị cáo không biết và không liên quan tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Hà Thanh T đã thừa nhận tham gia cùng H1 chuyển giao 5 người dưới 16 tuổi gồm Trần Bảo Nhật P, Lê Nguyễn Thanh T10, Lê Ngọc Như Ý, Nguyễn Thị Tú K1, Nguyễn Thị Yến N1.

Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định từ ngày 15/03/2023 đến ngày 28/3/2023 các bị cáo H, H1 đã cùng nhau thực hiện tuyển mộ, chuyển giao, tiếp nhận 07 người dưới 16 tuổi. Bị cáo T tham gia cùng H1 chuyển giao 5 người dưới 16 tuổi, tại thời điểm bị bán, các bị hại (Trần Bảo Phương N2 13 tuổi 8 tháng 20 ngày; Bùi Thị Kim Q 14 tuổi 01 tháng 17 ngày; Lê Ngọc Như Ý 14 tuổi 01 tháng 24 ngày; Lê Nguyễn Thanh T10 14 tuổi 04 tháng 20 ngày; Nguyễn Thị Tú K1 15 tuổi 01 ngày; Nguyễn Thị Yến N1 15 tuổi 05 tháng 04 ngày; Trần Bảo N4 Phương 15 tuổi 10 tháng 29 ngày). Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và quyết định Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1 phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo điểm e khoản 3 Điều 151 Bộ luật hình sự, Hà Thanh T phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo điểm c, e khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2.2] Đối với hành vi môi giới mại dâm.

Các bị cáo H, Đ2, T8, H7, H2 và T1 đã thực hiện việc điều hành nhiều lần đưa, đón 17 gái bán dâm (trong đó có 07 gái bán dâm là dưới 16 tuổi) gồm: Lò Thị I, Vàng Thị É, Lò Thị L2, Lò Thị L1, Giàng Thị D1, Lò Thị M1, Hoàng Thị H9, Hà Thị Thanh T9, Lò Thị N3, Đinh Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Yến N1, Lê Nguyễn Thanh T10, Trần Bảo Phương N2, Nguyễn Thị Tú K1, Trần Bảo Nhật P, Bùi Thị Kim Q và Lê Ngọc Như Ý đi bán dâm tại các nhà nghỉ, khách sạn trên thành phố L .

Từ 01/6/2023 đến ngày 23/6/2023 các bị cáo H, Đ2, T9, H7, H2 và T1 đã tổ chức môi giới mại dâm nhiều lần, tổng số tiền thu được từ việc “*Môi giới mại dâm*” là 360.050.000 đồng. Số tiền trên Hồ thanh toán cho gái bán dâm là 50%, số tiền còn lại là 180.025.000 đồng, H đã thanh toán tiền công cho T9 là 15.000.000 đồng; thanh toán tiền công cho H7 là 1.500.000 đồng; T9 trả tiền công cho H2 là 100.000 đồng. Ngoài ra Đ2 và T9 còn đưa tiền cho T1 để chi tiêu và mua xăng xe đi lại là 300.000 đồng

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Hù T, Nguyễn Văn H2, Hù Viết T1 đã cấu thành tội “*Môi giới mại dâm*” theo điểm a khoản 3 Điều 328 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[3] Về trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của các bị cáo H, H1 và T đều thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi môi giới mại dâm của các bị cáo H, Đ2, H2 và T1 thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, có tính chất đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo được xác định như sau:

- Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H:

Từ ngày 15/03/2023 đến ngày 28/3/2023 H đã trả công cho H1 cùng T để tuyển mộ và trực tiếp tiếp nhận, chứa chấp 07 người dưới 16 tuổi với mục đích để bán dâm. Do đó, Nguyễn Mạnh H là người chủ mưu, khởi xướng, phải chịu trách nhiệm với vai trò chính.

Ngoài chịu trách nhiệm với vai trò chính là người tuyển mộ, tiếp nhận, chứa chấp 07 người dưới 16 tuổi, bị cáo H còn là người khởi xướng, bố trí phương tiện, nơi ăn ở, trực tiếp và thuê người dẫn dắt để các nhân viên, trong đó có 07 người dưới 16 tuổi thực hiện hành vi mua bán dâm thu lợi bất chính số tiền 180.025.000 đồng. Vì vậy, bị cáo H cũng phải chịu trách nhiệm với vai trò chính về hành vi phạm tội này.

- Đối với bị cáo Hà Thị Thu H1:

Là người trực tiếp tuyển mộ, chuyển giao 07 người dưới 16 tuổi cho bị cáo H để nhận tiền công, nên phải chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành. Ngoài ra, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 02/03/2023, Hà Thị Thu H1 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Hiện bị cáo đang tạm hoãn thi hành án, nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 BLHS để tổng hợp bản án đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Hà Thanh T: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận các hành vi phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi như bản án sơ thẩm đã quy kết. Cụ thể bị cáo là người giúp bị cáo H1 tuyển mộ, chuyển giao 05 người dưới 16 tuổi cho bị cáo H để nhận tiền công gồm: Trần Bảo Nhật P, Lê Nguyễn Thanh T10, Lê Ngọc Như Ý, Nguyễn Thị Tú K1, Nguyễn Thị Yến N1.

- Đối với bị cáo Hù Tuyết Đ:

Là người được bị cáo H bàn bạc, thống nhất thực hiện hành vi môi giới mại dâm, trong đó có người dưới 16 tuổi, bị cáo đã tham gia điều hành nhân

viên đi bán dâm cho khách, ghi chép sổ sách giúp bị cáo H nên bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành.

- Đối với các bị cáo Hà Văn H11 và Hồ Viết T1:

Là người tham gia việc đưa, đón gái bán dâm, trong đó có người dưới 16 tuổi để bán dâm cho khách, bị cáo H11 được hưởng số tiền 100.000 đồng, T1 được hưởng số tiền 300.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo T1 và Đ cho rằng số tiền 300.000 đồng là tiền riêng của bị cáo Đ cho bị cáo T1, không liên quan đến việc môi giới mại dâm. Tuy nhiên ngoài lời khai của các bị cáo không có chứng cứ chứng minh số tiền 300.000 đồng là thu nhập riêng của bị cáo Đ, không liên quan đến việc Môi giới mại dâm. Như vậy, bị cáo H11 và T1 vẫn được hưởng lợi ích từ việc môi giới mại dâm, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò người thực hành.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo H1 đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, vì vậy lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với các bị cáo H, H1, Đ, H11, T1 quá trình thực hiện hành vi thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS cần xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi bị bắt, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo H, H1, Đ, H11 và T1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú và có ông nội Nguyễn Đăng H12 được tặng bằng khen kháng chiến chống thực dân Pháp; bị cáo T có ông nội được tặng thưởng Bằng khen kháng chiến chống mỹ cứu nước. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo H, Đ và T1 đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại: Nguyễn Thị YẾN N1, Nguyễn Thanh T10, Trần Bảo Nhật P, Trần Bảo Phương N2, Bùi Thị Kim Q, Lê Ngọc Như Ý và Nguyễn Thị Tú K1 tổng số tiền là 125.000.000 đồng, các bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo H, Đ và T1. Vì có các tình tiết như đã nêu trên nên các bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Riêng bị cáo Hà Thanh T do không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên không được Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử

phạt các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1, Hù T, Nguyễn Văn H2 và Hù Viết T1 là đúng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không xuất trình được tài liệu gì mới để làm căn cứ giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Hà Thanh T tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đây là tình tiết mới xuất hiện tại phiên tòa do đó Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ3 (B) xin lại 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Kia, màu sơn trắng, biển kiểm soát 24A - 198.39, số loại soluto, số khung RNYAB41M5LC187602, số máy G4LC - L1018510, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong, có nhiều vết xước, móp không định hình. Quá trình điều tra đã xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bị cáo Nguyễn Văn H2 và vợ là Nguyễn Thị G, đang được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 01/2022/18665003/HĐBĐ ngày 01/12/2022 tại Ngân hàng TMCP Đ3. Hội đồng xét xử thấy đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên căn cứ vào khoản 9 Điều 21, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 21 ngày 19/3/2021 của Chính phủ; Điều 47, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Quyền lợi của chị G và Ngân hàng TMCP Đ3 (B) được giải quyết theo quy định về khởi kiện vụ án dân sự khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không đưa ra thêm được những chứng cứ tình tiết đặc biệt nào mới để xem xét.

Do đó Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1, Hù Tuyết Đ, Nguyễn Văn H2 và Hù Viết T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ3 (B), chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hà Thanh T.

Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1, Hù Tuyết Đ, Nguyễn Văn H2 và Hù Viết T1 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Hà Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên,

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1, Hù Tuyết Đ, Nguyễn Văn H2 và Hù Viết T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ3 (B); Giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đối với các bị cáo trên và phần xử lý vật chứng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hà Thanh T; Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đối với bị cáo Hà Thanh T.

II. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” và tội “*Môi giới mại dâm*”; Các bị cáo Hà Thị Thu H1 và Hà Thanh T phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*”; Các bị cáo Hù Tuyết Đ, Nguyễn Văn H2 và Hù Tuyết T14 phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

2.1. Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh H** 18 (*Mười tám*) năm 06 (S1) tháng tù về tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: Xử phạt Nguyễn Mạnh H 09 (C6) năm tù về tội “*Môi giới mại dâm*”;

Áp dụng Điều 55 BLHS buộc bị cáo Nguyễn Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 (*Hai bảy*) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 27/6/2023.

2.2. Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo **Hà Thị Thu H1** 18 (*Mười tám*) năm 06 (S1) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 55/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Buộc bị cáo Hà Thị Thu H1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (*Mười chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2023.

2.3. Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 151, điểm s khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo **Hà Thanh T** 15 (*Mười lăm*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2023.

2.4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 328, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo **H10 Tuyết Định 08 (T12)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.5. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 328, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo **Hù Viết T1 07 (Bảy)** năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.6. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 328, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H2 07 (Bảy)** năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2023 đến ngày 22/8/2023.

III. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe Ô tô con, nhãn hiệu Kia, màu sơn trắng, biển kiểm soát 24A - 198.39, số loại soluto, số khung RNYAB41M5LC187602, số máy G4LC - L1018510, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong, có nhiều vết xước, móp không định hình thu giữ của Nguyễn Văn H2;

(Các vật chứng thể hiện chi tiết cụ thể theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/12/2023 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L; Biên bản giao nhận tài sản số 43/2023/BBBG-KBLC ngày 16/10/2023 kèm theo Phiếu nhập kho và Biên bản giao nhận tài sản số 59/2023/BBBG-KBLC ngày 30/11/2023).

IV. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Hà Thị Thu H1, Hù T, Nguyễn Văn H2, Hù Viết T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo (qua trại, qua địa chỉ)
- Người bào chữa; người tham gia tố tụng khác; Lưu HS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Xuân Trọng